TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS- ST
Ngày: 16- 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Sang
2. Bà Vũ Thị Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST- HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2022; thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 27/4/2022; đối với bị cáo:

Quang Thị N, sinh năm 1978 tại huyện T, tỉnh Nghệ An; đăng ký HKTT: Bản Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quang Văn T và bà Vũ Thị L (đều đã chết); chồng Vi Văn T1 (đã chết), có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P1; anh Vũ Đình S1 và bà Vũ Thị L1.

(*Những người làm chứng vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quang Thị N và Nguyễn Thị P1 đều là gái mại dâm quen biết nhau từ trước. Khoảng 08 giờ ngày 26/12/2021, Vũ Đình S1 (là người quen của N) gọi điện cho N qua số điện thoại 0344748xxx của N đặt vấn đề mua dâm với N. S1 bảo N tìm một

người phụ nữ nữa để bán dâm cho bạn của S1 là Trần Văn Đ- sinh năm 1980 trú tại thôn L, xã V, huyện T, N đồng ý và thống nhất bán dâm tại nhà nghỉ Đ tại thôn Q, xã M, huyện T. Sau đó N gọi điện thoại cho P1 bảo P1 có khách muốn mua dâm và rủ P1 cùng đi bán dâm, P1 đồng ý. Khoảng hơn 15 giờ ngày 26/12/2021, N điều khiển xe máy Wave màu xanh biển số 34L9- 91xx của N chở P1 từ nhà trọ ở thôn D, xã N, huyện N đến nhà nghỉ Đ ở thôn Q, xã M để bán dâm cho S1 và Đ. Khi đến nhà nghỉ Đ. P1 và Đ vào phòng 202, N và S1 vào phòng 203, S1 đưa cho N 800.000 đồng là tiền S1 trả mua dâm của N và P1. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi P1 và Đ, N và S1 đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác của Công an huyện Tứ Kỳ kiểm tra phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng gồm: Tại phòng 203 thu giữ tại túi áo khoác đen phía trước bên phải của N 800.000 đồng (gồm 04 tờ 200.000 đồng), 02 bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su tại đầu giường ngủ, 01 điện thoại Oppo A54 mầu xanh lắp sim 0396440xxx, 01 điện thoại Nokia 105 mầu xanh lắp sim 0344748xxx; Tại phòng 202 thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 02 điện thoại gồm 01 điện thoại Iphone 6S Plus mầu vàng lắp sim 0961262xxx, 01 điện thoại Masstel mầu đỏ lắp 02 sim số 0972282xxx và 0968417xxx. Thu tại túi quần mầu đen của P1 02 bao cao su chưa sử dụng.

Tại cáo trạng số 24/CT - VKSTK ngày 05/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố Quang Thị N về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Quang Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm"; áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS; xử phạt phạt bị cáo Quang Thị N từ 07- 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn xã (phường, thị trấn) nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 105 và 01 điện thoại Mastel; tịch thu cho tiêu hủy sim số 0344748xxx; 0972282xxx, 0968417xxx, 03 bao cao su mặt ngoài có dòng chữ EROS đã qua sử dụng và 02 bao cao su mặt ngoài có dòng chữ EROS chưa sử dụng; trả lại bị cáo N 01 xe máy nhãn hiệu Wave mầu xanh, biển số 34L9-91xx; về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng, bị cáo xác định đã có hành vi làm trung gian, dẫn dắt cho P1 mua bán dâm với người đàn ông tự khai là Trần Văn Đ với số tiền 400.000 đồng như đã nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Nhất trí với cáo trạng của VKSND huyện Tứ Kỳ đã truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dung. Đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng

cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe giáo dục đối với bị cáo cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với chính lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 26/12/2021, tại nhà nghỉ Đ, ở thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương, Quang Thị N có hành vi làm trung gian dẫn dắt để Nguyễn Thị P1- sinh năm 1984 đăng ký HKTT: Xóm B, xã H, TP. H, tỉnh Hòa Bình thực hiện hành vi mua bán dâm cho người tự khai là Trần Văn Đ- sinh năm 1980 trú tại thôn L, xã V, huyện T với giá 400.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi P1 và Đ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 202 nhà nghỉ Đ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ kiểm tra phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ cùng vật chứng·

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm" được quy định tại khoản 1 Điều 328 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo là hoàn toàn đúng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của BLHS. Do vậy, không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo trở

thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Như vậy là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 BLHS bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, HĐXX thấy bị cáo N không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Số tiền 800.000 đồng do N giao nộp đây là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại Nokia 105 và 01 điện thoại Mastel là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; sim số 0344748xxx; 0972282xxx, 0968417xxx, 03 bao cao su mặt ngoài có dòng chữ EROS đã qua sử dụng và vỏ bao cao su và 02 bao cao su mặt ngoài có dòng chữ EROS chưa sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy; 01 xe máy nhãn hiệu Wave mầu xanh, biển số 34L9-91xx của bị cáo N dùng để làm phương tiện đi lại nên cần trả lại. Đối với 01 điện thoại Oppo A54, lắp sim số 0396440xxx của Quang Thị N, 01 điện thoại Iphone 6s, lắp sim số 0961126xxx của Nguyễn Thị P1. Ngày 26/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho N và chị P1 nên không đặt ra xem xét.

[9] Trong vụ án này, hành vi bán dâm của Quang Thị N và Nguyễn Thị P1 và hành vi mua dâm của Vũ Đình S1, đã bị Công an huyện Tứ Kỳ xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với Trần Văn Đ, sau khi làm việc với cơ quan Công an đã tự ý rời khỏi trụ sở Công an. Quá trình xác minh, Công an xã Văn Tố xác định trê địa bàn xã Văn Tố không có người nào có tên tuổi, địa chỉ như Đ trình bày, do vậy không có căn cứ xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS;

1. Tuyên bố bị cáo Quang Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm". Xử phạt bị cáo Quang Thị N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quang Thị N cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 800.000 đồng; Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại Nokia 105, 01 điện thoại Mastel.

- Tịch thu cho tiêu hủy đối với các sim điện thoại lắp sim số 0344748xxx, 0972282xxx và 0968417xxx; 03 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, mặt ngoài có dòng chữ EROS; 02 bao cao su mặt ngoài có chữ EROS.

- Trả lại 01 xe máy Wave mầu xanh biển số 34L9- 91xx đăng ký mang tên Nguyễn Huy H cho bị cáo N (là chủ sở hữu hợp pháp).

(*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 15/4/2022)*.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật số 97/2015 về phí và lệ phí, Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Quang Thị N

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
-VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan T.H.A. HS - CA huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thành